

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 12/9/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Thơi và ông Nguyễn Thanh Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (số F đường Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (P); Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và T1 cấu trúc Tài sản (Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị);

Người đại diện theo ủy quyền lại:

+ Bà Hồ Việt H, chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và T1 cấu trúc Tài sản (Theo Giấy ủy quyền số 6681/UQ-PVB ngày 01/4/2024 của Giám đốc Khối Quản lý và T1 cấu trúc Tài sản).

+ Bà Nguyễn Thị Kim X, chức vụ: Giám đốc QLKH khu vực M – Khối QL&TCTTS; ông Hoàng Thế Q, chức vụ: Phó Giám đốc QLKH khu vực M – Khối QL&TCTTS; ông Nguyễn Văn L1, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng – Khối QL&TCTTS; bà Phan Thị Thanh H1, chức vụ: Chuyên gia tổ tụng – Khối QL&TCTTS; ông Nguyễn Trần Phước B, chức vụ Chuyên viên QLKH – Khối QL&TCTTS (Theo Giấy ủy quyền số 12257/UQ-PVB ngày 06/6/2024 của Giám

độc Khởi Quản lý và T1 cấu trúc Tài sản); cùng địa chỉ: Số B đường C tháng D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông L1 có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Chí T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ F, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P) trình bày:

Ông Võ Chí T2 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và Hợp đồng cho vay số 184/2021/HĐTD/PVB-HUE ngày 24/8/2021, với số tiền vay 500.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán công nợ mua xe ô tô phục vụ mục đích tiêu dùng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân, đối với lãi suất: lãi suất trong hạn được ghi nhận tại Khế ước nhận nợ (đối với lãi suất tại khế ước nhận nợ còn dư nợ thì 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 7,49%/năm. Sau thời gian ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, với $LSCV=LS13 + \text{Biên độ } 3\%/năm$); lãi suất quá hạn: 150%/năm lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Võ Chí T2 đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Peugeot, số loại 2008, màu xám, số khung RN2USHNLVMM064519, số máy 1802759PSA10XVDPHN08, biển kiểm soát 75A-229.84 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 75 005597 do Phòng C1 - Công an tỉnh T cấp ngày 24/08/2021 để thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 184/2021/HĐBĐ/PVB-HUE ngày 24/8/2021.

Ngày 30/08/2021 Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản 01 lần số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản số 0161 001 652 965 tại V – Chi nhánh H2 của Công ty TNHH MTV H3 cho ông Võ Chí T2 theo khế ước nhận nợ ngày 30/8/2021.

Quá trình thực hiện trả nợ theo cam kết tại Hợp đồng cho vay, ông Võ Chí T2 đã thực hiện trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với số tiền đã thanh toán tính đến hết ngày 12/09/2024 là: 230.793.524 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 152.796.136 đồng; Nợ lãi: 77.997.388 đồng).

Tuy nhiên, kể từ kỳ trả nợ ngày 31/07/2023, ông Võ Chí T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết tại Hợp đồng cho vay. Theo đó, tổng nghĩa vụ nợ ông Võ Chí T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tạm tính đến hết ngày 12/09/2024 là: 410.639.887 đồng (trong đó: Nợ gốc: 347.203.864 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.888.943 đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 11.546.615 đồng; Nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán: 3.000.465 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản, liên hệ trực tiếp làm việc đề nghị ông Võ Chí T2 trả nợ nhưng ông T2 đã không thực hiện, cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và không hợp tác bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông Võ Chí T2 phải

thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2024 là 410.639.887 đồng (trong đó: Nợ gốc: 347.203.864 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.888.943 đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 11.546.615 đồng; Nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán: 3.000.465 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi ông Võ Chí T2 thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

Trường hợp ông Võ Chí T2 không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 184/2021/HĐBĐ/PVB-HUE ngày 24/08/2021 để thu hồi nợ vay. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Võ Chí T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Võ Chí T2 trình bày tại bản tự khai ngày 15/8/2024 với nội dung như sau: Ông Võ Chí T2 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Hợp đồng cho vay số 184/2021/HĐTD/PVB-HUE ngày 24/8/2021 với số tiền vay 500.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô đi lại. Ông Võ Chí T2 đã trả cho ngân hàng gần 153.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 08/5/2024 là 391.809.981 đồng, trong đó: nợ gốc là 347.203.864 đồng, nợ lãi trong hạn là 37.295.344 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn là 5.767.293 đồng, nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán là 1.543.480 đồng. Ông Võ Chí T2 có thế chấp tài sản là chính chiếc xe ô tô ông T2 mua mang biển kiểm soát 75A-229.84. Ông T2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Tuy nhiên, ông T2 đề nghị ngân hàng trình giảm các khoản lãi và phí quá hạn giúp ông T2 vì ông T2 đang trong thời gian ở Trại tạm giam.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đồng thời, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên toà đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 320, Điều 323, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8, 22, 49 Nghị định 21/2021/NĐ- CP ngày 19/03/2021 của Chính Phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Chí T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền là 410.639.887 đồng (trong đó: Nợ gốc: 347.203.864 đồng; Nợ lãi trong hạn:

48.888.943 đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 11.546.615 đồng; Nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán: 3.000.465 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông **Võ Chí T2** thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

Trường hợp ông **Võ Chí T2** không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Peugeot, số loại 2008, màu xám, số khung RN2USHNLVMM064519, số máy 1802759PSA10XVDPHN08, biển kiểm soát 75A-229.84, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 75 005597 do **Phòng C1 - Công an tỉnh T** cấp ngày 24/08/2021 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 184/2021/HĐBĐ/PVB-HUE ngày 24/08/2021 để thu hồi nợ vay. Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ gốc và lãi cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** thì bị đơn là ông **Võ Chí T2** phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền nợ còn lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**.

Về án phí: Buộc ông **Võ Chí T2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông **Võ Chí T2** có địa chỉ cư trú tại **phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông **Võ Chí T2** đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa, ông **T2** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 24/8/2021, ông **Võ Chí T2** có ký với **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** Hợp đồng cho vay số 184/2021/HĐTD/PVB-HUE ngày 24/8/2021 với số tiền vay 500.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán công nợ mua xe ô tô phục vụ mục đích tiêu dùng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân, đối với lãi suất: lãi suất trong hạn được ghi nhận tại Khế ước nhận nợ (đối với lãi suất tại khế ước nhận nợ còn dư nợ thì 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 7,49%/năm. Sau thời gian ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, với $LSCV=LS13 + \text{Biên độ } 3\%/năm$); lãi suất quá hạn: 150%/năm lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Ngày 30/08/2021 Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản 01 lần số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản số 0161 001 652 965 tại **V – Chi nhánh H2** của **Công ty TNHH MTV H3** cho ông **Võ Chí T2** theo khế ước nhận nợ ngày 30/8/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông **Võ Chí T2** đã thực hiện trả nợ hàng tháng cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** với số tiền đã thanh toán tính đến hết ngày 12/09/2024 là: 230.793.524 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 152.796.136 đồng; Nợ lãi: 77.997.388 đồng).

Xét việc ký kết Hợp đồng cho vay số 184/2021/HĐTD/PVB-HUE ngày 24/8/2021 giữa cá nhân là ông **Võ Chí T2** và **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** là tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Do bị đơn ông **Võ Chí T2** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký kết kể từ kỳ trả nợ ngày 31/07/2023, nên **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** khởi kiện yêu cầu ông **Võ Chí T2** phải thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2024 là 410.639.887 đồng (trong đó: Nợ gốc: 347.203.864 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.888.943 đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 11.546.615 đồng; Nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán: 3.000.465 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông **Võ Chí T2** thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký kết, là có căn cứ phù hợp với quy định tại 274, 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Võ Chí T2** phải chịu trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền nợ tính đến ngày 12/9/2024 là 410.639.887 đồng (trong đó: Nợ gốc: 347.203.864 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.888.943 đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 11.546.615 đồng; Nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán: 3.000.465 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông **Võ Chí T2** thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

Về xử lý tài sản thế chấp: xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 184/2021/HĐBĐ/PVB-HUE ngày 24/08/2021 giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** và ông **Võ Chí T2** là đảm bảo đúng quy định tại các Điều 318, 319, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 8, 22, 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính Phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; do đó trường hợp ông **T2** không trả được nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký kết thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Peugeot, số loại 2008, màu xám, số khung RN2USHNLVMM064519, số máy 1802759PSA10XVDPHN08, biển kiểm soát 75A-229.84 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 75 005597 do **Phòng C1 - Công an tỉnh T** cấp ngày 24/08/2021 để thu hồi nợ vay. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông **Võ Chí T2** có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng số nợ còn lại.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông **Võ Chí T2** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + $[4\% \times (410.639.887 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 20.425.595 \text{ đồng}$ (hai mươi triệu bốn

trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 9.795.250 đồng (Chín triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 003725 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 299, 318, 319, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8, 22, 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính Phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q1.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ;

Buộc ông Võ Chí T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 410.639.887 đồng (bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 347.203.864 đồng; nợ lãi trong hạn là 48.888.943 đồng; nợ lãi trên gốc quá hạn là 11.546.615 đồng; nợ lãi trên lãi trong hạn chậm thanh toán là 3.000.465 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nếu ông Võ Chí T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Peugeot, số loại 2008, màu xám, số khung RN2USHNLVMM064519, số máy 1802759PSA10XVDPHN08, biển kiểm soát 75A-229.84, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 75 005597 do Phòng C1 - Công an tỉnh T cấp ngày 24/08/2021 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 184/2021/HĐBĐ/PVB-HUE ngày 24/8/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông Võ Chí T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Võ Chí T2 phải có nghĩa vụ trả nợ tiếp số

tiền nợ còn lại.

3. Về án phí: Buộc ông **Võ Chí T2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.425.595 đồng (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.795.250 đồng (Chín triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 003725 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Châu

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh C